

DỰ BÁO ĐIỀU CHỈNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NƯỚC LỚN ĐẾN NĂM 2050 VÀ MỘT SỐ HÀM Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM

★ TS ĐÀO NGỌC BÁU

*Viện Chính trị và Quan hệ quốc tế
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

DOI: <https://doi.org/10.70786/LLCT.583.2026.315>

● **Tóm tắt:** Trên cơ sở tổng hợp một số tiếp cận lý thuyết về nước lớn, trật tự quốc tế và chiến lược phát triển quốc gia, bài viết vận dụng khung phân tích đa cấp độ, kết hợp dữ liệu định lượng và phân tích định tính để dự báo các xu hướng điều chỉnh chiến lược phát triển của các nước lớn. Từ đó, bài viết đề xuất một số hàm ý đối với Việt Nam về tư duy và công cụ dự báo chiến lược, mô hình phát triển, đối ngoại đến năm 2050 nhằm tăng cường hội nhập và củng cố năng lực quốc gia.

● **Từ khóa:** nước lớn; chiến lược phát triển; dự báo chiến lược; trật tự quốc tế.

Forecasting great powers' development strategy adjustments to 2050 and some implications for Vietnam

● **Abstract:** Drawing on theoretical approaches to great powers, international order and national development strategy, the article applies a multi-level analytical framework and combines quantitative data with qualitative trend and scenario analysis to forecast key directions in these strategic adjustments. On this basis, the article proposes several implications for Vietnam's strategic forecasting capacity, development model, foreign policy and integration, and internal resilience-building towards 2050.

● **Keywords:** great powers; development strategy; strategic forecasting; international order.

1. Mở đầu

Bước vào thập niên 2020, thế giới chuyển dần sang giai đoạn mà ưu thế tương đối của các cường quốc truyền thống có chiều hướng suy giảm, trong khi các cấu trúc và chuẩn mực mới chưa định hình vững chắc; cạnh tranh chiến lược, đặc biệt là giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc,

trở thành trục chi phối quan hệ quốc tế. Cùng với đó là sự nổi lên của hàng loạt xu thế dài hạn như sự dịch chuyển quyền lực, an ninh hóa kinh tế, cạnh tranh công nghệ, chuyển đổi năng lượng, biến đổi khí hậu, già hóa dân số, tranh luận về mô hình quản trị toàn cầu..., đặt ra những yêu cầu mới đối với chiến lược phát triển của các

quốc gia. Đó không còn thuần túy là chiến lược tăng trưởng kinh tế, mà gắn mật thiết với việc củng cố sức mạnh tổng hợp, bảo đảm an ninh và duy trì vị thế trong trật tự quốc tế đang có nhiều biến động nhanh, khó lường. Điều chỉnh chiến lược phát triển trở thành quá trình tái cấu trúc mô hình phát triển quốc gia dưới tác động của các xu thế dài hạn và sức ép từ hệ thống quốc tế, đồng thời là phương tiện để các nước tối ưu hóa vị trí trong chuỗi giá trị, mạng lưới thể chế, chuẩn mực và không gian chiến lược.

Đối với Việt Nam, một nền kinh tế đang hội nhập sâu rộng, có vị trí địa - chiến lược quan trọng ở Đông Nam Á và khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, những điều chỉnh trong chiến lược phát triển của Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, EU... có tác động trực tiếp và gián tiếp về mọi mặt, từ thương mại, đầu tư, công nghệ, năng lượng, đến an ninh - quốc phòng, đối ngoại và không gian phát triển chiến lược. Việt Nam vừa có cơ hội từ những dịch chuyển lớn trong chuỗi cung ứng toàn cầu, vừa phải đối mặt với rủi ro gia tăng từ cạnh tranh nước lớn, xu hướng phân mảnh và những sức ép an ninh mới (Nguyễn Minh Vũ, 2024).

Đến nay, đã có nhiều công trình trong và ngoài nước nghiên cứu về nước lớn, trật tự quốc tế, cạnh tranh nước lớn, chiến lược phát triển quốc gia và dự báo chiến lược, cũng như các nghiên cứu cụ thể về Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản, EU và tác động đối với Việt Nam. Tuy nhiên, phần lớn tập trung vào từng nước riêng lẻ hoặc từng chủ đề chuyên ngành, trong khi các nghiên cứu tích hợp, so sánh nhiều nước lớn, sử dụng khung dự báo đến năm 2050 và gắn trực tiếp với hàm ý chiến lược cho Việt Nam còn hạn chế. Xuất phát từ yêu cầu lý luận và thực tiễn, bài viết hướng tới: (i) khái quát một số cơ sở lý thuyết và cách tiếp cận dự báo chiến

lược đối với điều chỉnh chiến lược phát triển của các nước lớn; (ii) nhận diện một số nét chính về thực trạng và xu hướng điều chỉnh chiến lược phát triển của các nước lớn đến năm 2050; (iii) đề xuất một số hàm ý đối với công tác hoạch định chiến lược của Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Một số cơ sở lý thuyết và cách tiếp cận dự báo chiến lược

Trong nghiên cứu quan hệ quốc tế và nghiên cứu phát triển, dự báo chiến lược không đơn thuần là sự tiên đoán về những sự kiện cụ thể sẽ xảy ra trong tương lai, mà là quá trình có hệ thống nhằm nhận diện các xu thế dài hạn, các động lực, biến số và khả năng vận động của môi trường chiến lược để có sự chuẩn bị phù hợp về tư duy, thể chế và chính sách. Cách tiếp cận này nhấn mạnh rằng tương lai không tồn tại như một trạng thái cố định, có thể “đoán đúng” tuyệt đối, mà là không gian của nhiều khả năng, trong đó các chủ thể chiến lược vừa chịu sự ràng buộc mang tính cấu trúc, vừa có năng lực lựa chọn và tác động trở lại cấu trúc. Vì vậy, giá trị của dự báo chiến lược không nằm ở việc khẳng định chắc chắn một kịch bản duy nhất, mà nằm ở khả năng xây dựng luận cứ khoa học đủ mạnh để nhận diện đúng các xu hướng vận động chủ yếu, các điểm gây tiềm tàng và những hệ quả có thể phát sinh đối với lợi ích chiến lược của quốc gia (OECD, 2025).

Việc nghiên cứu điều chỉnh chiến lược phát triển của các nước lớn trước hết cần dựa trên các tiếp cận kinh điển về nước lớn và trật tự quốc tế. Chủ nghĩa hiện thực cổ điển và hiện thực cấu trúc nhấn mạnh rằng, quyền lực, lợi ích và cấu trúc phân bổ quyền lực là các biến số trung tâm chi phối hành vi của nước lớn. Theo đó, các nước lớn luôn tìm cách bảo toàn hoặc mở rộng vị thế của mình trong hệ thống quốc tế; mọi điều

chinh chiến lược phát triển, xét đến cùng, đều gắn với yêu cầu tạo lập, duy trì hoặc gia tăng sức mạnh tổng hợp quốc gia. Cách tiếp cận này có ý nghĩa quan trọng, bởi nó giúp lý giải vì sao trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn gia tăng, các quyết sách về công nghệ, năng lượng, tài chính, chuỗi cung ứng hay nguồn nhân lực ngày càng được nhìn nhận không chỉ là chính sách kinh tế, mà là một phần của cạnh tranh quyền lực (Nguyễn Minh Vũ, 2024).

Tuy nhiên, nếu chỉ dựa vào lý thuyết hiện thực thì chưa đủ để giải thích đầy đủ quá trình điều chỉnh chiến lược phát triển của các nước lớn. Cách tiếp cận lý thuyết tự do và lý thuyết thể chế cho rằng, các nước lớn không hành động trong môi trường “vô thể chế”, mà luôn vận động trong mạng lưới phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế, tài chính, công nghệ, thương mại và luật lệ quốc tế. Chính vì thế, điều chỉnh chiến lược phát triển không chỉ nhằm gia tăng sức mạnh vật chất, mà còn nhằm định hình luật chơi, tiêu chuẩn, chuẩn mực và các thể chế mà qua đó, lợi ích của nước lớn được bảo đảm bền vững hơn. Tiếp cận từ lý thuyết kiến tạo lại góp phần làm rõ vai trò của bản sắc, diễn ngôn, nhận thức và tính chính danh trong hoạch định chiến lược, cho thấy những gì nước lớn lựa chọn không hoàn toàn xuất phát từ “lợi ích vật chất khách quan”, mà còn gắn với cách họ hình dung về vai trò quốc tế của mình, về trật tự mong muốn và về nguồn gốc của các mối đe dọa.

Từ góc độ nghiên cứu phát triển, chiến lược phát triển quốc gia cần được hiểu như một cấu trúc tổng thể tích hợp tầm nhìn phát triển, mô hình tăng trưởng, cơ cấu ngành, định hướng công nghệ, năng lực quản trị, phân bổ nguồn lực và quan hệ giữa phát triển với an ninh. Trong điều kiện toàn cầu hóa sâu rộng trước đây, chiến lược phát triển thường được nhìn nhận chủ yếu

dưới góc độ thúc đẩy tăng trưởng, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập. Tuy nhiên, trong bối cảnh hiện nay, sự trở lại mạnh mẽ của cạnh tranh nước lớn, an ninh hóa kinh tế, đứt gãy chuỗi cung ứng, xung đột địa - chính trị, chuyển đổi xanh và chuyển đổi số đã làm thay đổi cách hiểu này. Điều chỉnh chiến lược phát triển không chỉ là sửa đổi một số chính sách riêng lẻ, mà là quá trình tái cấu trúc toàn diện các mục tiêu, trụ cột, công cụ và không gian phát triển nhằm thích ứng với môi trường chiến lược mới (Nguyễn Minh Vũ, 2024).

Trên cơ sở đó, bài viết sử dụng khung phân tích đa cấp độ, gồm cấp hệ thống quốc tế, cấp quốc gia và cấp nội bộ quốc gia. Ở cấp hệ thống quốc tế, các xu thế như chuyển dịch tương quan quyền lực, phân mảnh, cạnh tranh chiến lược, cách mạng khoa học - công nghệ, biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng và gia tăng các thách thức an ninh phi truyền thống tạo nên bối cảnh buộc các nước lớn phải điều chỉnh chiến lược phát triển. Ở cấp quốc gia, mô hình tăng trưởng, quy mô thị trường, tiềm lực khoa học - công nghệ, cấu trúc xã hội, khả năng huy động nguồn lực, năng lực quản trị và tầm nhìn chiến lược quyết định phạm vi và chiều hướng điều chỉnh. Ở cấp nội bộ, cấu trúc lợi ích, chu kỳ chính trị, cạnh tranh đảng phái, áp lực xã hội, các vấn đề xã hội như già hóa dân số, bất bình đẳng và niềm tin thể chế tác động trực tiếp tới tốc độ, nội dung và giới hạn của điều chỉnh chiến lược phát triển. Khung ba cấp độ này cho phép tránh lối giải thích giản lược, chỉ dựa vào một nguyên nhân duy nhất, đồng thời làm rõ rằng điều chỉnh chiến lược phát triển của nước lớn là sản phẩm của tương tác đa chiều giữa sức ép bên ngoài và động lực bên trong.

Một điểm cần nhấn mạnh là dự báo chiến lược về điều chỉnh chiến lược phát triển của

các nước lớn chỉ có sức thuyết phục khi nó được xây dựng trên nền tảng kết hợp chặt chẽ giữa cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn. Cơ sở khoa học thể hiện ở việc lựa chọn khung lý thuyết phù hợp, xác định đúng các biến số phân tích, sử dụng phương pháp tiếp cận minh bạch và có thể kiểm chứng. Cơ sở thực tiễn thể hiện ở việc dự báo phải bám sát các dữ liệu dài hạn, các văn kiện chiến lược, các chương trình phát triển, các quyết sách về công nghệ, năng lượng, quốc phòng, công nghiệp và các biểu hiện điều chỉnh đang diễn ra trong thực tế. Nói cách khác, dự báo chiến lược không thể chỉ dựa vào suy luận lý thuyết, nhưng cũng không thể chỉ là phép ngoại suy cơ học từ các xu thế hiện tại; nó phải là sự kết hợp giữa lý thuyết, dữ liệu và phân tích thực chứng (OECD, 2025).

Về phương pháp, dự báo chiến lược đối với điều chỉnh chiến lược phát triển của các nước lớn cần kết hợp giữa dự báo định lượng và dự báo định tính. Trên phương diện định lượng, việc khai thác các chuỗi dữ liệu dài hạn về GDP, tăng trưởng, dân số, năng suất, cơ cấu ngành, chỉ tiêu quốc phòng, đầu tư cho nghiên cứu - phát triển, chuyển dịch năng lượng, phát thải, thương mại và đầu tư quốc tế có ý nghĩa quan trọng trong việc nhận diện các xu thế dài hạn. Các mô hình và báo cáo dự báo của PwC, OECD, WB, UNDP hay IEA không phải là “chân lý tuyệt đối”, song cung cấp các tham chiếu có giá trị về khả năng dịch chuyển của trật tự kinh tế, tương quan sức mạnh và các áp lực cấu trúc tới năm 2050. Ở bình diện định tính, các phương pháp như phân tích xu thế, phân tích cấu trúc, xây dựng kịch bản, dự báo và tham vấn chuyên gia cho phép nhận diện các biến số khó lượng hóa, các điểm gây tiềm tàng, những nguy cơ rủi ro và điều chỉnh có tính chính trị - chiến

lược mà mô hình định lượng khó phản ánh đầy đủ (OECD, 2025).

Ý nghĩa của việc kết hợp hai cách tiếp cận này là, dữ liệu định lượng giúp tránh nhận định cảm tính và tạo nền tảng khách quan cho phân tích; trong khi dự báo định tính giúp giải thích vì sao cùng một xu thế nhưng các nước lớn có thể có những cách phản ứng khác nhau, thậm chí lựa chọn các con đường điều chỉnh trái ngược nhau. Ví dụ, cùng chịu sức ép từ chuyển đổi xanh hay cách mạng công nghệ, nhưng mức độ ưu tiên đối với công nghệ lõi, bảo hộ công nghiệp, cải cách thể chế, củng cố an sinh hay mở rộng ảnh hưởng khu vực của từng nước lớn sẽ không giống nhau, bởi phụ thuộc vào vị thế, năng lực và cấu trúc chính trị - xã hội của từng nước. Chính vì vậy, một dự báo chiến lược có chất lượng không phải là dự báo càng cụ thể về từng sự kiện càng tốt, mà là dự báo nắm được logic vận động, xác định được các khả năng chủ yếu và chuẩn bị được các phương án chính sách tương ứng (OECD, 2025).

Việc dự báo điều chỉnh chiến lược phát triển của các nước lớn đến năm 2050 còn cần đặt trong mối liên hệ với yêu cầu nhận diện tác động đối với Việt Nam. Nói cách khác, mục tiêu của dự báo không chỉ là mô tả “các nước lớn sẽ làm gì”, mà quan trọng hơn là lý giải những điều chỉnh ấy có thể tác động đến môi trường phát triển và an ninh của Việt Nam như thế nào. Điều này đòi hỏi một cách tiếp cận hướng chính sách, trong đó các kết quả dự báo phải đủ sức chuyển hóa thành các hàm ý chiến lược cho Việt Nam về mô hình phát triển, đối ngoại, hội nhập, công nghệ, thể chế và năng lực nội tại. Chính ở điểm này, giá trị thực tiễn của dự báo chiến lược mới được thể hiện đầy đủ, tức là không dừng ở nhận thức thế giới, mà phục vụ cho kế hoạch quốc gia trong một thế giới bất định.

Có thể thấy, nghiên cứu điều chỉnh chiến lược phát triển của các nước lớn đến năm 2050 phải đồng thời đáp ứng bốn yêu cầu: (i) có cơ sở lý thuyết đủ rộng để giải thích sự vận động của nước lớn trong hệ thống quốc tế; (ii) có khung phân tích đủ sâu để liên kết được các cấp độ hệ thống, quốc gia và nội bộ; (iii) có cơ sở thực tiễn đủ chắc dựa trên dữ liệu, văn kiện và diễn biến chính sách thực tế; và (iv) có cách tiếp cận dự báo đủ linh hoạt để kết hợp giữa xu thế, kịch bản và hàm ý chính sách.

2.2. Thực trạng và xu hướng điều chỉnh chiến lược phát triển của các nước lớn đến năm 2050

Trong giai đoạn hiện nay, điều chỉnh chiến lược phát triển của các nước lớn diễn ra trong bối cảnh trật tự quyền lực dịch chuyển, cạnh tranh nước lớn gia tăng và các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng phức tạp. Chiến lược phát triển quốc gia của các nước lớn đã trở thành công cụ phục vụ cạnh tranh quyền lực, tái cấu trúc chuỗi cung ứng, định hình chuẩn mực và củng cố vị thế trong trật tự quốc tế (Nguyễn Minh Vũ, 2024).

Một đặc điểm nổi bật là các nước lớn đồng loạt chuyển trọng tâm từ tăng trưởng theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu, đặt khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh vào vị trí trung tâm của chiến lược quốc gia. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, EU, Nga đều đang điều chỉnh mô hình phát triển theo hướng nâng cao hàm lượng tri thức, công nghệ, dữ liệu và sức chống chịu, đồng thời chú trọng hơn tới an ninh năng lượng, an ninh công nghệ, an ninh dữ liệu và an ninh xã hội. Ranh giới giữa chính sách phát triển với chính sách an ninh, đối ngoại ngày càng bị làm mờ, khi các công cụ kinh tế, tài chính, công nghệ, thông tin được tiếp cận và

sử dụng như phương tiện quyền lực trong cạnh tranh chiến lược.

Các nước lớn cũng đang tái cấu trúc không gian phát triển ở cấp độ khu vực và liên khu vực, thông qua các mạng lưới liên kết mới về thương mại, đầu tư, công nghệ, hạ tầng và an ninh, làm dịch chuyển mạnh mẽ các chuỗi cung ứng và mạng lưới sản xuất. Nhiều quốc gia đang phát triển có vị trí địa - chiến lược thuận lợi, trong đó có Việt Nam, ngày càng trở thành điểm nút quan trọng trong các cấu trúc kinh tế - an ninh mới.

Từ thực trạng đó, có thể nhận diện một số xu hướng chủ yếu đến năm 2050:

Trước hết, xu hướng chuyển đổi mạnh hơn sang mô hình phát triển xanh - số - bao trùm. Các mô hình tăng trưởng theo chiều rộng, dựa trên khai thác tài nguyên, lao động giá rẻ sẽ ngày càng bộc lộ nhiều giới hạn, buộc các nước lớn phải thúc đẩy kinh tế cacbon thấp, năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo, đồng thời tăng cường chính sách giảm bất bình đẳng và củng cố hệ thống phúc lợi xã hội (UN DESA, 2001).

Thứ hai, chiến lược phát triển sẽ gắn kết ngày càng chặt chẽ với chiến lược công nghệ, dữ liệu và không gian số. Đến năm 2050, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, công nghệ sinh học, vật liệu mới, an ninh mạng, không gian vũ trụ và dữ liệu lớn nhiều khả năng trở thành trụ cột then chốt, tạo nên sức mạnh tổng hợp quốc gia; cạnh tranh giữa các nước lớn sẽ tập trung vào năng lực kiểm soát công nghệ lõi, chuẩn mực dữ liệu và hạ tầng số, cũng như khả năng định hình các quy tắc quốc tế trong các lĩnh vực này.

Thứ ba, an ninh hóa phát triển và mở rộng khái niệm an ninh quốc gia tiếp tục là xu hướng nổi bật. Biến đổi khí hậu, dịch bệnh, khủng hoảng năng lượng, gián đoạn chuỗi cung ứng, an ninh mạng, an ninh lương thực và an ninh xã

hội được dự báo vẫn là những yếu tố bất định, tiềm ẩn nhiều nguy cơ, buộc các nước lớn phải lồng ghép mục tiêu an ninh vào chiến lược phát triển thông qua kiểm soát đầu tư, bảo vệ hạ tầng trọng yếu, quản lý dữ liệu xuyên biên giới, bảo hộ có chọn lọc các ngành chiến lược và tăng cường năng lực chống chịu.

Thứ tư, trật tự kinh tế - quyền lực quốc tế tiếp tục dịch chuyển theo hướng “châu Á hóa” và đa cực hóa. Các dự báo dài hạn đều chỉ ra rằng, đến năm 2050, nhiều nền kinh tế mới nổi ở châu Á và các khu vực khác sẽ vươn lên mạnh mẽ, tạo nên cấu trúc quyền lực linh hoạt hơn, phân tán hơn. Dù phụ thuộc vào nhiều giả định, những dự báo này vẫn chỉ ra xu hướng kinh tế toàn cầu tiếp tục dịch chuyển về các nền kinh tế mới nổi, buộc các nước lớn phải điều chỉnh chiến lược phát triển để thích ứng (PwC, 2017).

Thứ năm, tranh luận và điều chỉnh mô hình quản trị toàn cầu sẽ còn tiếp diễn, tạo ra các cấu trúc và chuẩn mực đan xen. Nhiều cơ chế, chuẩn mực và cấu trúc có thể cùng tồn tại, chồng lấn và cạnh tranh lẫn nhau, khiến chiến lược phát triển của các nước lớn gắn liền với nỗ lực tham gia, cải tạo hoặc thiết lập các thiết chế và luật chơi mới về thương mại, tài chính, công nghệ, khí hậu, dữ liệu và an ninh.

2.3. Một số hàm ý chiến lược đối với Việt Nam đến năm 2050

Từ góc độ Việt Nam, sự đan xen giữa thực trạng hiện nay và các xu hướng đến 2050 vừa mở ra cơ hội, vừa đặt ra thách thức đối với việc hoạch định chiến lược quốc gia. Việc nhận diện đúng và sớm các xu hướng này là điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng dự báo và chuẩn bị chiến lược của Việt Nam đến năm 2050 (Nguyễn Minh Vũ, 2024).

Thứ nhất, cần nâng tầm tư duy chiến lược từ “ứng phó” sang “chủ động thiết kế không gian

phát triển và an ninh”. Việt Nam cần coi dự báo chiến lược là chức năng thường trực của hoạch định đường lối, chiến lược và chính sách, sử dụng các khung phân tích đa cấp độ và công cụ dự báo hiện đại để xây dựng các kịch bản phát triển đến 2050. Điều này đòi hỏi phát triển “nền công nghiệp dự báo chiến lược” dựa trên dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, mô hình định lượng và phân tích định tính, tham vấn chuyên gia đa ngành (OECD, 2025).

Thứ hai, chuẩn bị chiến lược về mô hình phát triển xanh - số - bao trùm gắn với độc lập, tự chủ và tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế. Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện chiến lược phát triển quốc gia theo hướng coi phát triển xanh, phát triển số và phát triển bao trùm là định hướng xuyên suốt, đồng thời xác định và đầu tư cho các ngành, lĩnh vực chiến lược, có tiềm năng tạo lợi thế trong chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu. Gắn mô hình phát triển với chiến lược an ninh kinh tế, an ninh chuỗi cung ứng, an ninh năng lượng, an ninh công nghệ để bảo đảm độc lập, tự chủ và sức chống chịu của nền kinh tế (Quốc hội, 2025).

Thứ ba, củng cố và mở rộng không gian phát triển - an ninh thông qua tăng cường đối ngoại, hội nhập và tham gia sâu rộng hơn nữa vào các thể chế đa phương. Việt Nam cần vận dụng sáng tạo đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, tận dụng vị trí địa - chiến lược và vai trò trong ASEAN, các cơ chế tiểu vùng và liên khu vực, các hiệp định thương mại tự do để mở rộng không gian phát triển và giữ vững thế cân bằng chiến lược. Đồng thời, cần tham gia tích cực hơn vào các cơ chế, thể chế và chuẩn mực quốc tế liên quan đến công nghệ, dữ liệu, thương mại, môi trường, an ninh phi truyền thống, qua đó bảo vệ lợi ích, nâng cao vị thế và quyền lực chuẩn tắc.

Thứ tư, nâng cao năng lực chuẩn bị chiến lược về thể chế, dữ liệu, đội ngũ và phối hợp liên ngành. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện thể chế kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình là những điều kiện quan trọng để nâng cao năng lực chuẩn bị chiến lược đến năm 2050. Việt Nam cần xây dựng hệ thống dữ liệu chiến lược tích hợp về kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh, đối ngoại, công nghệ; phát triển đội ngũ cán bộ nghiên cứu, tham mưu chiến lược có tư duy liên ngành và khả năng sử dụng công cụ hiện đại.

Thứ năm, tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo, phục vụ hoạch định đường lối, chính sách. Cần xây dựng môi trường nghiên cứu tuân thủ chuẩn mực liêm chính khoa học, gắn kết chặt chẽ hơn giữa kết quả nghiên cứu với quá trình xây dựng văn kiện, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển quốc gia, trong đó các nghiên cứu về điều chỉnh chiến lược phát triển của các nước lớn đến năm 2050 và hàm ý đối với Việt Nam có thể cung cấp luận cứ quan trọng cho hoạch định chính sách.

3. Kết luận

Điều chỉnh chiến lược phát triển của các nước lớn đến năm 2050 vừa phản ánh những biến động sâu sắc trong trật tự quốc tế, vừa là kết quả của tương tác phức hợp giữa các xu thế toàn cầu và các động lực quốc gia. Việc nhận diện và dự báo các xu hướng điều chỉnh này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với các nước vừa và nhỏ, trong đó có Việt Nam, trong việc hoạch định chiến lược phát triển, an ninh và đối ngoại trong giai đoạn tới.

Trên cơ sở vận dụng một số cơ sở lý thuyết và cách tiếp cận dự báo chiến lược, bài viết đã khái quát một số nét chính về thực trạng và xu hướng điều chỉnh chiến lược phát triển của các

nước lớn đến năm 2050, đồng thời đề xuất một số hàm ý chiến lược đối với Việt Nam. Những hàm ý này cần tiếp tục được cụ thể hóa trong các nghiên cứu tiếp theo và trong quá trình xây dựng, triển khai các văn kiện, chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển đến năm 2050, nhằm góp phần bảo đảm mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước phát triển có thu nhập cao, quốc gia hùng cường, hưng thịnh và hạnh phúc □

Ngày nhận bài: 03/8/2026;

Ngày bình duyệt: 12/9/2026;

Ngày quyết định đăng: 20/9/2026.

Email tác giả: baudaongoc@gmail.com

Tài liệu tham khảo:

Nguyễn Minh Vũ (Chủ biên) (2024). *Cục diện thế giới đến năm 2045*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

OECD. (2025). *Foresight Toolkit for Resilient Public Policy: A Comprehensive Foresight Methodology to Support Sustainable and Future-Ready Public Policy*. OECD Publishing. https://www.oecd.org/en/publications/foresight-toolkit-for-resilient-public-policy_bccdd9304-en.html

PwC. (2017). *The long view: How will the global economic order change by 2050?*. PricewaterhouseCoopers. <https://www.pwc.com/gx/en/world-2050/assets/pwc-the-world-in-2050-full-report-feb-2017.pdf>

Quốc hội (2025). Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hà Nội.

UN DESA. (2001). *Guidance in preparing a national sustainable development strategy: Managing sustainable development in the new millennium*. United Nations Department of Economic and Social Affairs. https://www.un.org/esa/sustdev/publications/nsds_guidance.pdf